TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**
Bà **Võ Thị Bời**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 428/2022/TLST-DS ngày 10/10/2022 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐST-DS ngày 04/12/2023 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Uy T** – sinh năm 1944

Địa chỉ: 170/4 đường C, phường A, thành phố T, tỉnh L

Có mặt

- Bị đơn:

1/ Ông **Đỗ Quốc N** – sinh năm 1982
Địa chỉ: P.410 Chung cư C, phường H, thành phố T
Có mặt

2/ Bà **Nguyễn Thanh T –** sinh năm 1985

Địa chỉ: P.410 Chung cư C, phường H, thành phố T.

Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị D** - sinh năm 1984

Địa chỉ: đường C, phường A, thành phố T, tỉnh L

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn - ông Phạm Uy T trình bày:*

Ông với ông Đỗ Quốc N và bà Nguyễn Thanh T có quan hệ quen biết nhau từ lâu.

Ngày 09/12/2021 bà T vay ông 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 25/12/2021 sẽ hoàn trả đủ. Bà T có viết giấy vay tiền ngày 09/12/2021.

Vì con ông là Phạm Thị D nhiều lần phải đi vay mượn người khác để cho ông N và bà T vay nên ông đã đứng ra thanh toán nợ cho bà D và ông thay bà D là người cho vợ chồng ông N + bà T vay. Ông N và bà T hẹn ngày 10/5/2022 sẽ trả hết khoản nợ này nên đã viết giấy vay tiền ngày 01/01/2022 vay ông Phạm Uy T 467.000.000 đồng.

Đây là hai khoản tiền vay khác nhau, không phải khoản vay ngày 01/01/2022 là gộp món nợ 100.000.000 đồng trước đó như ông N trình bày.

Quá thời hạn trả nợ nhưng ông N, bà T không trả nợ cho ông dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Sau đó ông N có trả cho ông được 30.000.000 đồng tiền gốc.

Nay ông yêu cầu ông N, bà T trả cho ông số tiền đã vay là 537.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Đỗ Quốc N trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa*:

Ngày 09/12/2021 vợ ông là Nguyễn Thanh T vay ông Phạm Uy T 100.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Giấy vay tiền do bà T viết và ký tên.

Ngày 01/01/2022 vợ chồng ông có vay ông Th 467.000.000 đồng (đã bao gồm luôn số tiền 100.000.000 đồng đã vay trước đó vào ngày 09/12/2021). Bà T viết giấy vay, ông và bà T và ký tên vào.

Trong quá trình vay, hàng tháng ông có trả lãi cho ông T qua tài khoản của bà Phạm Thị D.

Ngày 19/7/2022 ông có chuyển trả bớt tiền gốc cho ông T là 20.000.000 đồng, ông chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản của chồng bà Phạm Thị D còn 5.000.000 đồng ông chuyển vào tài khoản bà Phạm Thị D - con của ông T. Sau đó ông có trả tiếp 10.000.000 đồng, số tiền này ông đưa trực tiếp cho bà D.

Số tiền gốc hiện nay vợ chồng ông còn nợ là 437.000.000 đồng chứ không phải 567.000.000 đồng. Hiện tại gia đình ông đang khó khăn nên xin trả dần số nợ trên.

** Bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2022:*

Bà và bà Phạm Thị D là bạn bè hơn 30 năm. Khoảng tháng 8/2021 bà nhờ bà D vay 80.000.000 đồng, bà trả lãi hàng tháng là 7.200.000 đồng. Ngày 09/12/2021 bà vay bà D thêm 100.000.000 đồng nhưng bà D bắt bà ghi giấy mượn tiền, ghi người cho mượn tiền là ông Phạm Uy T. Bà đã hoàn trả số tiền này vào tháng 12 nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng. Qua năm 2022 bà đã nhiều lần mượn bà D các khoản tiền như sau: 02 lần mượn 50.000.000 đồng của bà D, 01 lần mượn 100.000.000 đồng của ông T. Tổng cộng bà mượn là 280.000.000 đồng (có cộng thêm 80.000.000 đồng bà đã mượn từ tháng 8/2021). Những lần vay mượn này bà đều làm giấy tờ viết tay, ghi là mượn của ông T, không lãi suất rồi gửi xe lên thành phố T cho bà D. Khoảng tháng 4, 5/2022 bà D gọi điện thoại cho bà nói bà ghi lại giấy mượn tiền gom hết tổng số tiền gồm gốc và lãi từ trước đến nay vào, lấy ngày 01/01/2022 là ngày mượn tiền và vẫn ghi là mượn ông T. Bà khẳng định là bà chỉ mượn số tiền gốc tổng cộng là 280.000.000 đồng.

Trong quá trình mượn vợ chồng bà vẫn trả lãi. Việc trả gốc và lãi được vợ chồng bà trả

qua tài khoản ngân hàng. Bà thừa nhận chữ viết và chữ ký ở các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là của bà nhưng số tiền bà vay trên thực tế không đúng như thế. Hiện nay gia đình bà không có khả năng trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thanh T là bạn bè hơn 30 năm. Từ năm 2021 bà T nhiều lần mượn tiền của bà và bố bà là ông Phạm Uy T để làm ăn. Bản thân bà không có tiền cho ông N và bà T vay nên cũng phải đi vay mượn người khác. Do đó ông T đã đứng ra trả giúp bà những khoản bà nợ người khác nên ông T đứng ra là người cho vợ chồng ông N + bà T vay tiền thay bà. Số nợ 467.000.000 đồng tại giấy vay ngày 01/01/2022 là gộp nhiều lần ông Nghĩa và bà T vay của bà lại. Còn số nợ 100.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 09/12/2021 là tiền bà T vay ông T, không liên quan đến giấy vay tiền ngày 01/01/2022. Bà xác nhận ông Thế khởi kiện yêu cầu ông N và bà T trả nợ theo 2 giấy vay tiền ngày 09/12/2021 và ngày 01/01/2022 là đúng. Hiện tại ông N và bà T chỉ mới trả được 30.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 537.000.000 đồng

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp T đã nêu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Việc ông Phạm Uy T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Quốc N bà Nguyễn Thanh T trả lại số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Tại phiên toà hôm nay bà T vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thanh Tú.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đưa ông Phạm Ngọc T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, cả ông Đỗ Quốc N và bà Phạm Thị D đều thống nhất là ông Nghĩa có chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản ông Phạm Ngọc T để trả nợ cho ông Phạm Uy T. Số tiền này ông T đã nhận được nên không có sự mâu thuẫn về khoản tiền đã trả này. Do đó, ông Phạm Ngọc T không liên quan gì đến vụ án này nên không đưa ông vào tham gia tố tụng.

** Về nội dung:*

Giữa ông Phạm Uy T và ông Đỗ Quốc N, bà Nguyễn Thanh T có việc vay mượn tiền. Việc vay mượn tiền này là hoàn toàn tự nguyện. Ông Đỗ Quốc N và bà Nguyễn Thanh T đều thừa nhận có vay tiền ông Phạm Uy T.

Ông Phạm Uy T yêu cầu ông Đỗ Quốc N và bà Nguyễn Thanh T trả số tiền gốc còn lại là 537.000.000 đồng.

Xét: Bà Nguyễn Thanh T chỉ thừa nhận còn nợ ông Phạm Uy T 280.000.000 đồng. Ông Đỗ Quốc N thì lại thừa nhận vợ chồng ông chỉ còn nợ ông T 437.000.000 đồng. Đến tại thời điểm xét xử vụ án, cả ông N và bà T đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền gốc còn lại như lời trình bày của mình, không chứng minh được số tiền 467.000.000 đồng tại Giấy vay tiền ngày 01/01/2022 là đã bao gồm cả số tiền 100.000.000 đồng của Giấy vay tiền ngày 09/12/2021.

Giấy vay tiền 100.000.000 đồng ngày 09/12/2021 bà T và ông N đều thừa nhận chính bà T viết và ký giấy vay tiền này. Giấy vay tiền 467.000.000 đồng ngày 01/01/2022 ông N và bà T cũng thừa nhận đây là do bà T viết và ký tên, ông cũng có ký tên vào. Tất cả đều không bị đe dọa, ép buộc. Giấy vay tiền ngày 01/01/2022 do chính bà T viết cũng không có nội dung nào thể hiện đây là giấy vay tiền cộng gộp tất cả các khoản vay từ trước đó lại. Giấy cam kết ngày 13/2/2022 do ông Đỗ Quốc N viết cũng không có nội dung nào thể hiện trong khoản tiền 467.000.000 đồng đã cộng 100.000.000 đồng của giấy nợ ngày 9/12/2021.

Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Phạm Uy T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Quốc N, bà Nguyễn Thanh T phải thanh toán số tiền 537.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi bảy triệu đồng*) là hoàn toàn có cơ sở pháp lý. Vì vậy, xét đây là yêu cầu chính đáng của nguyên đơn và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của ông Phạm Uy T.

Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Quốc N, bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.480.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 96, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc ông Đỗ Quốc N, bà Nguyễn Thanh T phải trả cho ông Phạm Uy T số tiền là: 537.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi bảy triệu đồng*). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.**Về án phí**: Ông Đỗ Quốc N, bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí 25.480.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm.

3. Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015";

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. T;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung